

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất san lấp và đá cát kết, sạn kết trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp và đá cát kết, sạn kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hải Yên và phường Hải Thượng, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa”.

(Trữ lượng tính đến ngày 20/3/2024)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016; Thông tư số 02/2024/TT-BTNMT ngày 22/4/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp; Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ các Quyết định số 3122/QĐ-UBND ngày 24/9/2012; số 3106/QĐ-UBND ngày 19/8/2015 và số 1385/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất san lấp và đá cát kết, sạn kết trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp và đá cát kết, sạn kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hải Yến và phường Hải Thượng, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa”.

Theo Công văn số 3047/QK-TM ngày 27/10/2023 của Bộ Tư lệnh Quân khu 4 về việc đề xuất điều chỉnh ĐH (QP1) tại núi Chuột Chù, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Xét Đơn đề ngày 25/4/2024 kèm theo hồ sơ của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nghi Sơn đề nghị phê duyệt điều chỉnh trữ lượng khoáng sản tại mỏ đất san lấp và đá cát kết, sạn kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hải Yến và phường Hải Thượng, thị xã Nghi Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá tại Tờ trình số 1099/TTr-STNMT ngày 21/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất san lấp và đá cát kết, sạn kết trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp và đá cát kết, sạn kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hải Yến và phường Hải Thượng, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa”, với các nội dung chính sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng, lập dự án đầu tư là 90,45 ha (trong đó, diện tích thuộc phường Hải Thượng là 86,951 ha; diện tích thuộc xã Hải Yến là 3,499 ha) được giới hạn bởi các điểm góc từ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 và 17 (có tọa độ được xác định tại Phụ lục số 01 kèm theo).

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất san lấp và đá cát kết, sạn kết làm vật liệu xây dựng thông thường đã tính trong báo cáo:

Trữ lượng cấp 122 là: 10.808.715 m³, trong đó:

- Đất làm vật liệu san lấp: 9.522.717 m³.

- Đá cát kết, sạn kết làm vật liệu xây dựng thông thường: 1.285.998 m³.

3. Khoáng sản đi kèm: Không.

4. Mức sâu và các khối trữ lượng phê duyệt: Như Phụ lục số 02 kèm theo.

Trữ lượng và tài nguyên khoáng sản đất san lấp và đá cát kết, sạn kết làm vật liệu xây dựng thông thường của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này.

5. Xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác: 10.808.715 m³, trong đó:

- Đất làm vật liệu san lấp: 9.522.717 m³.
- Đá cát kết, sạn kết làm vật liệu xây dựng thông thường: 1.285.998 m³.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ/thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và chấm dứt hiệu lực các Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản số 3122/QĐ-UBND ngày 24/9/2012, số 3106/QĐ-UBND ngày 19/8/2015 và số 1385/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Văn phòng Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Khoáng sản Việt Nam;
- Cục Địa chất Việt Nam;
- Các Sở: TNMT, XD;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và PTHT Nghi Sơn;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA****DIỆN TÍCH, TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG MỎ
ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP VÀ ĐÁ CÁT KẾT, SAN KẾT LÀM VẬT LIỆU
XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI NÚI CHUỘT CHÙ, XÃ HẢI YẾN VÀ
PHƯỜNG HẢI THƯỢNG, THỊ XÃ NGHI SƠN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Điểm góc	TỌA ĐỘ VN 2000 (Kinh tuyến trục 105 ⁰ .00', múi chiếu 3 ⁰)	
	X(m)	Y(m)
1	2139 416,02	581 325,28
2	2139 373,41	581 825,32
3	2139 433,29	582 069,69
4	2139 233,44	582 228,78
5	2139 206,82	582 581,53
6	2139 413,82	582 932,53
7	2139 601,80	583 137,24
8	2139 890,68	583 043,27
9	2139 968,82	583 202,53
10	2139 696,10	583 301,90
11	2139 246,50	583 344,90
12	2138 757,20	581 695,50
13	2139 046,40	581 350,80
14	2139 046,40	581 241,30
15	2139 366,40	580 765,50
16	2139 417,30	580 762,40
17	2139 143,20	581 347,60
Diện tích: 90,45 ha		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG VÀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN KHOÁNG SẢN
MỎ ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP VÀ ĐÁ CÁT KẾT, SẠN KẾT LÀM
VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI NÚI CHUỘT CHỦ,
XÃ HẢI YẾN VÀ PHƯỜNG HẢI THƯỢNG, THỊ XÃ NGHI SƠN**

*(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng (m³)	Ghi chú
1	K1 - 122	+ 12	319.142	
2	K2 - 122	+ 12	564.276	
3	K3 - 122	+ 10	1.314.092	
4	K4 - 122	+ 10	1.381.628	
5	K5 - 122	+ 10	1.395.665	
6	K6 - 122	+ 10	969.720	
7	K7 - 122	+ 30	809.732	
8	K8 - 122	+ 23	1.085.255	
9	K9 - 122	+ 10	1.236.480	
10	K10 - 122	+ 10	1.580.225	
11	K11 - 122	+ 10	152.500	
Tổng trữ lượng cấp 122			Tổng trữ lượng 10.808.715 m ³ , trong đó: + Đất làm vật liệu san lấp: 9.522.717 m ³ . + Đá cát kết, sạn kết làm vật liệu xây dựng thông thường: 1.285.998 m ³	